



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 39
8. Phụ lục	40 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	2.850.000.000	3,00
Nhân viên công ty	14.438.170.000	11,41
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609
 Fax : (84-61) 3 836 070
 E-mail : thibidi@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 360253826

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	P501 - Tòa nhà HCO, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Thiết kế các công trình thiết bị điện;
- Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Cho thuê văn phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601015856 ngày 27 tháng 5 năm 2008 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 31 tháng 5 năm 2013, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	51,00%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	82,24%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 13 tháng 4 năm 2013 như sau:

Trích lập các quỹ	14.144.042.146 VND
Chia cổ tức	24.000.000.000 VND
Cộng	38.144.042.146 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-

(*) Ngày tái bổ nhiệm

300446
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V.
A &
H-T.P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013	-
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	01 tháng 6 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-

(**) Ngày tái bổ nhiệm và thay đổi chức danh từ Phó Giám đốc thành Phó Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thiết bị điện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 6 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0575/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần thiết bị điện bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thiết bị điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.102.369.222	617.144.463.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154.722.797.725	149.477.997.709
1. Tiền	111		60.074.397.725	69.011.687.925
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.648.400.000	80.466.309.784
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	6.244.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.000.000.000	6.244.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.154.284.473	56.994.102.409
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	133.305.793.730	54.696.221.605
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	25.049.935.737	10.635.784.404
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.518.820.353	3.881.654.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(12.720.265.347)	(12.219.557.790)
IV. Hàng tồn kho	140		345.589.831.819	378.634.334.517
1. Hàng tồn kho	141	V.7	347.006.158.599	379.655.291.489
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.416.326.780)	(1.020.956.972)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.635.455.205	25.793.528.783
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.000.000	96.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		415.901.567	1.086.076.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.123.553.638	24.611.452.738

360
CÔ
Ô
ÉT
3A

00441
CÔNG
HÀNH
TOÁN V
A &
H.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.386.769.388	153.847.698.054
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		129.559.878.644	131.775.264.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	93.943.909.093	93.092.899.476
<i>Nguyên giá</i>	222		219.438.428.457	207.131.512.543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(125.494.519.364)	(114.038.613.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.515.969.551	21.628.180.150
<i>Nguyên giá</i>	228		20.959.046.901	22.024.269.875
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(443.077.350)	(396.089.725)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	15.100.000.000	17.054.184.428
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.220.950.000	4.102.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4.220.950.000	4.102.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.605.940.744	17.970.434.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.743.707.171	5.354.531.032
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	4.862.233.573	4.615.902.968
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	8.000.000.000	8.000.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		821.489.138.610	770.992.161.472

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		555.143.173.388	526.772.862.099
I. Nợ ngắn hạn	310		543.237.325.076	515.869.760.697
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	360.250.195.889	345.322.878.938
2. Phải trả người bán	312	V.18	82.175.037.410	78.597.240.695
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	11.170.258.478	11.508.969.517
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	17.676.114.875	11.973.121.219
5. Phải trả người lao động	315	V.21	33.880.855.048	31.994.900.083
6. Chi phí phải trả	316	V.22	17.769.520.778	10.332.757.339
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	9.818.311.949	26.520.981.658
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	8.184.917.612	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	2.312.113.037	(381.088.752)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.905.848.312	10.903.101.402
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	9.638.955.312	9.741.363.900
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	2.266.893.000	1.161.737.502
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.285.272.563	221.760.862.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		243.285.272.563	221.760.862.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	1.397.717.067	1.087.174.889
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	21.029.731.120	17.641.332.127
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	20.945.200.916	17.556.801.924
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.28	285.600.000	331.500.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	78.077.163.213	63.594.193.638
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	23.060.692.659	22.458.436.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		821.489.138.610	770.992.161.472

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

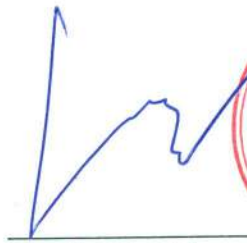
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		790.068,27		812.908,25	
Euro (EUR)		500,00		1.000,00	
Dollar Úc (AUD)		150,00		2.250,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Biên Hoà, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Trần Thị Thu
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.592.039.527.363	1.453.717.509.429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.049.099	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.592.033.478.264	1.453.717.509.429
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.314.276.796.352	1.194.514.270.118
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		277.756.681.912	259.203.239.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.254.413.808	5.841.850.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.974.595.570	44.731.131.326
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.717.685.817	43.183.310.248
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	83.577.514.795	52.798.509.807
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	64.602.130.508	61.740.788.638
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.856.854.847	105.774.660.142
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.325.453.525	1.275.463.123
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.341.130.627	586.771.129
13. Lợi nhuận khác	40		984.322.898	688.691.994
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.841.177.745	106.463.352.136
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	33.217.384.679	25.491.156.478
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	(246.330.605)	(734.052.909)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.870.123.671</u>	<u>81.706.248.567</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		12.745.436.111	15.587.330.636
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		60.124.687.560	66.118.917.931
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>5.010</u>	<u>5.510</u>

Biên Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2014


 Trần Thị Thu
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phan Ngọc Thảo
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		105.841.177.745	106.463.352.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	17.542.089.439	14.924.946.405
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	896.077.365	(1.493.154.299)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(756.800.774)	(1.198.881.011)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7 VI.8	(2.914.754.583)	(3.475.033.617)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	28.717.685.817	43.183.310.248
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		149.325.475.009	158.404.539.862
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(80.239.460.591)	50.773.534.791
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.649.132.890	2.429.843.836
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.477.145.632	51.841.422.593
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.610.823.861	146.531.640
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(29.309.500.093)	(46.920.629.966)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(33.591.512.187)	(35.236.632.929)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		40.000.000	9.912.844.531
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.128.798.211)	(18.825.680.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.833.306.310	172.525.773.451
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11 VII	(22.295.497.201)	(51.416.421.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.647.604.900	1.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(10.000.000.000)	(2.662.084.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	6.244.500.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(118.950.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	2.365.758.059	3.443.202.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.156.584.242)	(50.634.030.212)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	2.201.151.170
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	886.933.242.286	473.818.597.530
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(872.005.925.335)	(564.104.499.989)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(44.383.487.400)	(25.498.510.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.456.170.449)	(113.583.261.414)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.220.551.619	8.308.481.825
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	149.477.997.709	141.030.631.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		24.248.397	138.884.338
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	154.722.797.725	149.477.997.709

Biên Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2014


 Trần Thị Thu
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phan Ngọc Thảo
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thiết bị điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp; Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện; cho thuê văn phòng.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	82,24%	82,24%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 641 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 657 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

534
IG
PH
B
A

TRÁ
KIỂM
TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm tài sản cố định chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

19815-C
CÔNG TY
HỮU HẠ
VÀ TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo Điều 7 Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính từ 04 - 05 % trên doanh thu bán sản phẩm đối với một số hợp đồng thầu có yêu cầu về thông số kỹ thuật và chế độ bảo hành sản phẩm cao.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các Công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm của các Công ty trong Tập đoàn. Mục đích sử dụng các quỹ này như sau:

Mục đích

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
- Quỹ dự phòng tài chính: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2012 : 20.815 VND/USD

Ngày 31/12/2013 : 21.077 VND/USD

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

25
IG
'H.
BIE
'T.

030
CC
RACH
EM TO
A
BINH-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ gồm nhóm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

102
TY
ÂN
HỆ
ĐỒ

14400
ONG T
HIỆM HI
ÂN VÀ T
& C
T.P.H.C

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.001.509.513	1.897.502.490
Tiền gửi ngân hàng	59.072.888.212	67.114.185.435
Các khoản tương đương tiền (*)	94.648.400.000	80.466.309.784
Cộng	154.722.797.725	149.477.997.709

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được dùng đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (xem thuyết minh số V.17).

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	104.120.678.062	37.131.485.567
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	14.204.734.872	10.022.515.704
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	14.980.380.796	7.542.220.334
Cộng	133.305.793.730	54.696.221.605

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	15.434.749.363	5.108.471.113
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	5.874.569.194	1.875.865.021
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	3.740.617.180	3.651.448.270
Cộng	25.049.935.737	10.635.784.404

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công đoàn tiền vay mượn cổ phần	-	1.265.328.255
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người lao động	3.393.870.973	-
Thuế thu nhập cá nhân đang làm thủ tục hoàn	1.867.542.993	1.867.542.993
Lãi tiền gửi dự thu	759.166.667	568.843.366
Các khoản phải thu khác	498.239.720	179.939.576
Cộng	6.518.820.353	3.881.654.190

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	12.219.557.790
Trích lập dự phòng bổ sung	500.707.557
Số cuối năm	12.720.265.347

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	118.779.472	-
Nguyên liệu, vật liệu	149.234.458.013	152.426.095.329
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.235.141.301	53.374.685.611
Thành phẩm	140.177.634.188	151.470.148.111
Hàng hóa	26.240.145.625	22.384.362.438
Cộng	<u>347.006.158.599</u>	<u>379.655.291.489</u>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.020.956.972
Trích lập dự phòng bổ sung	395.369.808
Số cuối năm	<u>1.416.326.780</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.488.103.212	4.092.852.896
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.476.089.280	11.666.283.675
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.159.361.146	8.852.316.167
Cộng	<u>8.123.553.638</u>	<u>24.611.452.738</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.117.286.391	106.999.326.953	18.003.127.965	8.011.771.234	207.131.512.543
Mua trong năm	13.789.387.863	4.794.907.200	1.100.480.100	469.252.460	20.154.027.623
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.954.184.428	-	-	-	1.954.184.428
Thanh lý, nhượng bán	(2.755.742.430)	-	-	-	(2.755.742.430)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(25.257.100)	(2.241.170.642)	(1.437.976.848)	(3.199.445.490)	(6.903.850.080)
Giảm khác	(141.703.627)	-	-	-	(141.703.627)
Số cuối năm	<u>86.938.155.525</u>	<u>109.553.063.511</u>	<u>17.665.631.217</u>	<u>5.281.578.204</u>	<u>219.438.428.457</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.523.533.301	37.405.412.377	4.389.149.405	2.932.634.000	47.250.729.083
---	---------------	----------------	---------------	---------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.701.845.154	69.610.413.688	10.218.955.996	5.507.398.229	114.038.613.067
Khấu hao trong năm	4.011.891.944	11.296.523.099	1.725.088.241	438.008.530	17.471.511.814
Thanh lý, nhượng bán	(466.810.753)	-	-	-	(466.810.753)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(25.257.100)	(1.990.078.027)	(1.391.027.370)	(2.142.432.267)	(5.548.794.764)
Số cuối năm	32.221.669.245	78.916.858.760	10.553.016.867	3.802.974.492	125.494.519.364

Giá trị còn lại					
Số đầu năm	45.415.441.237	37.388.913.265	7.784.171.969	2.504.373.005	93.092.899.476
Số cuối năm	54.716.486.280	30.636.204.751	7.112.614.350	1.478.603.712	93.943.909.093

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 197.583.741.742 VND và 72.737.594.472 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	20.113.284.720	511.664.725	1.399.320.430	22.024.269.875
Mua sắm mới	-	104.520.000	-	104.520.000
Tăng do chuyển đổi báo cáo	253.167.456	-	-	253.167.456
Giảm theo Thông tư 45	-	(23.590.000)	(1.399.320.430)	(1.422.910.430)
Số cuối năm	20.366.452.176	592.594.725	-	20.959.046.901

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	305.287.200	-	305.287.200
--	---	-------------	---	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	396.089.725	-	396.089.725
Khấu hao trong năm	-	70.577.625	-	70.577.625
Giảm theo Thông tư 45	-	(23.590.000)	-	(23.590.000)
Số cuối năm	-	443.077.350	-	443.077.350

Giá trị còn lại

Số đầu năm	20.113.284.720	115.575.000	1.399.320.430	21.628.180.150
Số cuối năm	20.366.452.176	149.517.375	-	20.515.969.551

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ (*)	15.100.000.000	-	15.100.000.000
XDCB dở dang Công trình tại Cambodia	1.954.184.428	(1.954.184.428)	-
Cộng	17.054.184.428	(1.954.184.428)	15.100.000.000

(*) Chi phí mua đất thuộc dự án khu đô thị mới tại An Phú – An Khánh. Hiện tại Công ty đã nhận bàn giao lô đất từ người bán nhưng chưa hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	100.000	1.002.000.000	100.000	1.002.000.000
Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	72.930	1.118.950.000	65.000	1.000.000.000
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	200.000	2.100.000.000	200.000	2.100.000.000
Cộng		4.220.950.000		4.102.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	5.354.531.032
Tăng trong năm	5.909.025.090
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(7.519.848.951)
Số cuối năm	3.743.707.171

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	4.615.902.968
Phát sinh trong năm	246.330.605
Số cuối năm	4.862.233.573

16. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ làm đại lý bán hàng.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	330.912.501.348	249.716.561.439
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ^(a)	232.718.261.071	249.424.186.566
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)	45.528.365.260	292.374.873
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(c)	52.665.875.017	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	29.337.694.541	95.606.317.499
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam ^(d)	15.000.000.000	60.880.000.000
Các cá nhân khác ^(e)	14.337.694.541	34.726.317.499
Cộng	360.250.195.889	345.322.878.938

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.2, V.7 và V.10).
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.
- (d) Khoản vay Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 7% – 9%/năm.
- (e) Khoản vay các cá nhân với lãi suất 7 – 10,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.716.561.438	877.387.634.570	(796.191.694.661)	330.912.501.348
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	95.606.317.500	9.545.607.716	(75.814.230.674)	29.337.694.541
Cộng	345.322.878.938	886.933.242.286	(872.005.925.335)	360.250.195.889

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	24.130.984.809	15.930.250.908
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	55.541.064.426	61.690.596.020
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	2.502.988.175	976.393.767
Cộng	82.175.037.410	78.597.240.695

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	7.949.488.594	5.984.334.080
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	3.009.999.884	5.470.100.137
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	210.770.000	54.535.300
Cộng	11.170.258.478	11.508.969.517

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.144.593.094	26.598.830.881	(20.620.786.692)	9.122.637.283
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.087.250.383	(9.087.250.383)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	658.775.456	(658.775.456)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.638.022.271	33.217.384.679	(33.591.512.187)	8.263.894.763
Thuế thu nhập cá nhân	190.505.854	6.962.043.878	(6.941.662.519)	210.887.213
Các loại thuế khác	-	86.695.616	(8.000.000)	78.695.616
Cộng	11.973.121.219	76.610.980.893	(70.907.987.237)	17.676.114.875

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	7.575.523.581	3.847.479.504
Chi phí lãi vay	726.810.548	1.318.624.824
Chi phí phải trả khác	9.467.186.649	5.166.653.011
Cộng	<u>17.769.520.778</u>	<u>10.332.757.339</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	8.230.156.292	9.301.943.268
Kinh phí công đoàn	1.211.909.367	1.578.267.365
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	63.608.789	-
Cổ tức phải trả	2.947.019	14.114.434.419
Kinh phí hoạt động Đảng	175.821.134	1.120.718.757
Các khoản phải trả khác	133.869.348	405.617.849
Cộng	<u>9.818.311.949</u>	<u>26.520.981.658</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	8.184.917.612
Số cuối năm	<u>8.184.917.612</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(267.010.574)	16.967.000.000	5.000.000	(14.926.147.413)	1.778.842.013
Quỹ phúc lợi	(114.078.178)	3.333.000.000	35.000.000	(2.720.650.798)	533.271.024
Cộng	<u>(381.088.752)</u>	<u>20.300.000.000</u>	<u>40.000.000</u>	<u>(17.646.798.211)</u>	<u>2.312.113.037</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	9.741.363.900
Số chi trong năm	(102.408.588)
Số cuối năm	<u>9.638.955.312</u>

27. Doanh thu chưa thực hiện

Giá trị đã xuất hóa đơn theo tiến độ thanh toán trên hợp đồng của các công trình lắp đặt.

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước tại Công ty mẹ	38.111.487.400
Trả cổ tức năm trước tại Công ty con	1.568.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay tại Công ty con	4.704.000.000
Cộng	44.383.487.400

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	22.458.436.548
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	12.745.436.111
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(11.907.000.000)
Giảm khác do chi quỹ khác và chi từ lợi nhuận	(236.180.000)
Số cuối năm	23.060.692.659

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.592.039.527.363	1.453.717.509.429
- Doanh thu bán thành phẩm	1.099.564.276.477	1.076.873.141.553
- Doanh thu bán vật tư	466.554.314.949	357.388.156.280
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.312.445.510	8.134.848.609
- Doanh thu hoạt động xây dựng	22.608.490.427	11.321.362.987
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.049.099)	-
- Hàng bán bị trả lại	(6.049.099)	-
Doanh thu thuần	1.592.033.478.264	1.453.717.509.429

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.099.558.227.378	1.076.873.141.553
- Doanh thu thuần bán vật tư	466.554.314.949	357.388.156.280
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.312.445.510	8.134.848.609
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	22.608.490.427	11.321.362.987
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	877.240.389.125	871.405.042.958
Giá vốn của vật tư đã tiêu thụ	416.762.640.206	309.518.160.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	529.308.424	4.640.955.278
Giá vốn của hoạt động xây dựng	20.721.249.050	10.565.192.226
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(976.790.453)	(1.615.080.579)
Cộng	<u>1.314.276.796.352</u>	<u>1.194.514.270.118</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.121.081.360	2.993.793.890
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	455.037.360	840.198.731
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	1.023.823.843	1.110.371.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	435.000.000	479.967.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	756.800.774	111.706.122
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	462.670.471	305.812.889
Cộng	<u>5.254.413.808</u>	<u>5.841.850.602</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	28.717.685.817	43.183.310.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.256.909.753	1.547.821.078
Cộng	<u>29.974.595.570</u>	<u>44.731.131.326</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	14.255.408.884	12.003.547.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.893.561	563.042.776
Chi phí chiết khấu bán hàng	43.611.365.271	26.278.230.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.509.613.205	4.781.195.184
Chi phí khác	19.484.233.874	9.172.492.978
Cộng	<u>83.577.514.795</u>	<u>52.798.509.807</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	21.040.299.139	14.684.190.433
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.482.465.932	1.603.469.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.557.343.869	2.993.981.307
Thuế, phí và lệ phí	1.707.830.446	740.221.977
Chi phí dự phòng	390.465.657	10.003.806.610
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.244.339.251	3.450.821.642
Chi phí khác	32.179.386.214	28.264.297.606
Cộng	<u>64.602.130.508</u>	<u>61.740.788.638</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.647.604.900	1.272.727
Thu nhập khác	677.848.625	1.274.190.396
Cộng	<u>3.325.453.525</u>	<u>1.275.463.123</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.288.931.677	-
Chi phí khác	52.198.950	586.771.129
Cộng	<u>2.341.130.627</u>	<u>586.771.129</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	60.124.687.560	66.118.917.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.124.687.560	66.118.917.931
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.010</u>	<u>5.510</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các công ty trong Tập đoàn đã thanh toán nợ mua sắm tài sản cố định có số dư cuối năm trước là 2.036.949.578 VND. Số dư cuối năm nay là 0 VND.

50044
CÔNG
NHỊ
TOÁN
A &
H.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần thiết bị điện và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm là 2.629.211.975 VND.

Trong năm, thành viên Ban Tổng Giám đốc có cho Công ty vay số tiền 660.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư tiền vay của thành viên Ban Tổng Giám đốc (số dư năm trước là 850.000.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam - Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 64,00% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	-	226.380.000
Mua hàng hóa	34.867.315.150	39.114.924.938
Tiền vay phát sinh trong năm	-	15.360.000.000
Lãi vay phải trả trong năm	4.234.645.556	9.455.900.000
Cổ tức nhận được	240.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bán hàng	-	249.018.000
Cộng nợ phải thu	-	249.018.000

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng	7.374.924.544	6.180.775.852
Tiền vay phải trả	15.000.000.000	60.880.000.000
Tiền lãi vay phải trả	262.500.000	337.500.000
Cổ tức phải trả	-	11.728.896.000
Cộng nợ phải trả	22.637.424.544	79.127.171.852

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 41 đến trang 43.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn trong năm 2013 hầu hết diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện thay đổi tỷ lệ dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm từ 0% lên từ 04% - 05% trên doanh thu bán sản phẩm trong năm đối với một số hợp đồng thầu cung cấp sản phẩm cho Tổng công ty Điện lực Miền Trung, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và một số đơn vị khác có yêu cầu trong hồ sơ mời thầu về thông số kỹ thuật và chế độ bảo hành sản phẩm cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện tin rằng tỷ lệ mới này phản ánh hợp lý hơn chi phí bảo hành sản phẩm sẽ phát sinh. Việc thay đổi tỷ lệ này làm cho chi phí bảo hành sản phẩm năm nay tăng 8.184.917.612 VND so với việc áp dụng tỷ lệ dự phòng như năm trước.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	323.030.923	595.545.431
Trên 01 năm đến 05 năm	1.292.123.692	1.506.181.724
Trên 05 năm	10.434.341.318	10.641.300.582
Cộng	12.049.495.933	12.743.027.737

Công ty cổ phần thiết bị điện thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đã được ký với Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.722.797.725	-	-	-	154.722.797.725
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	119.696.204.853	-	-	13.609.588.877	133.305.793.730
Các khoản phải thu khác	10.974.329.000	-	-	-	10.974.329.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.220.950.000	-	-	-	4.220.950.000
Cộng	299.614.281.578	-	-	13.609.588.877	313.223.870.455
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.477.997.709	-	-	-	149.477.997.709
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.244.500.000	-	-	-	6.244.500.000
Phải thu khách hàng	42.476.663.815	-	-	12.219.557.790	54.696.221.605
Các khoản phải thu khác	22.282.609.610	-	-	-	22.282.609.610
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.102.000.000	-	-	-	4.102.000.000
Cộng	224.583.771.134	-	-	12.219.557.790	236.803.328.924

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	360.977.006.437	-	-	360.977.006.437
Phải trả cho người bán	82.175.037.410	-	-	82.175.037.410
Các khoản phải trả khác	17.176.579.578	-	-	17.176.579.578
Cộng	460.328.623.425	-	-	460.328.623.425
Số đầu năm				
Vay và nợ	346.641.503.762	-	-	346.641.503.762
Phải trả cho người bán	78.597.240.695	-	-	78.597.240.695
Các khoản phải trả khác	23.534.184.783	-	-	23.534.184.783
Cộng	448.772.929.240	-	-	448.772.929.240

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	790.068,27	812.908,25
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	300.000,00
Phải trả người bán	(278.193,60)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	511.874,67	1.112.908,25

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.433.000.000	200.000,00	80.466.309.784	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	300.000,00
Vay và nợ	(360.250.195.889)	-	(345.322.878.938)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(259.817.195.889)	200.000,00	(264.856.569.154)	300.000,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 5.196.343.918 VND (năm trước giảm/tăng 5.297.131.383 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (xem thuyết minh số V2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.000.000.000 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

538
TY
TN
VN
G N
104
ON
NH
OAN
18
-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.722.797.725	-	149.477.997.709	-	154.722.797.725	149.477.997.709
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	6.244.500.000	-	10.000.000.000	6.244.500.000
Phải thu khách hàng	133.305.793.730	(12.720.265.347)	54.696.221.605	(12.219.557.790)	120.585.528.383	42.476.663.815
Các khoản phải thu khác	10.974.329.000	-	22.282.609.610	-	10.974.329.000	22.282.609.610
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.220.950.000	-	4.102.000.000	-	4.220.950.000	4.102.000.000
Cộng	313.223.870.455	(12.720.265.347)	236.803.328.924	(12.219.557.790)	300.503.605.108	224.583.771.134

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	360.250.195.889	345.322.878.938	360.250.195.889
Phải trả người bán	82.175.037.410	78.597.240.695	82.175.037.410	78.597.240.695
Các khoản phải trả khác	17.903.390.126	24.852.809.607	17.903.390.126	24.852.809.607
Cộng	460.328.623.425	448.772.929.240	460.328.623.425	448.772.929.240

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ước tính bằng giá trị sổ sách trừ khoản chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Biên Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	-	6.774.368.179	12.123.319.950	433.500.000	49.828.861.588	188.508.758.794
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	66.118.917.931	66.118.917.931
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(20.152.316.600)	(20.152.316.600)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	10.866.963.948	5.433.481.974	204.000.000	(29.502.445.922)	(12.998.000.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(297.920.000)	(297.920.000)
Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	1.087.174.889	-	-	-	(2.512.913.247)	(1.425.738.358)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	112.009.888	112.009.888
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(306.000.000)	-	(306.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	2.201.151.170	-	-	-	-	-	2.201.151.170
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	-	1.087.174.889	17.641.332.127	17.556.801.924	331.500.000	63.594.193.638	221.760.862.825
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	-	1.087.174.889	17.641.332.127	17.556.801.924	331.500.000	63.594.193.638	221.760.862.825
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	60.124.687.560	60.124.687.560
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	3.388.398.993	3.388.398.992	199.920.000	(21.341.717.985)	(14.365.000.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	310.542.178	-	-	-	-	310.542.178
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(245.820.000)	-	(245.820.000)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	1.549.860.247	-	1.397.717.067	21.029.731.120	20.945.200.916	285.600.000	78.077.163.213	243.285.272.563

Biên Hoà, ngày 31 tháng 3 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởngPhan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Sản xuất máy biến thế</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.099.558.227.378	466.554.314.949	25.920.935.937	-	1.592.033.478.264
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.099.558.227.378	466.554.314.949	25.920.935.937	-	1.592.033.478.264
Chi phí bộ phận	876.263.598.672	416.762.640.206	21.250.557.474	-	1.314.276.796.352
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	223.294.628.706	49.791.674.743	4.670.378.463	-	277.756.681.912
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(148.179.645.303)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					129.577.036.609
Doanh thu hoạt động tài chính					5.254.413.808
Chi phí tài chính					(29.974.595.570)
Thu nhập khác					3.325.453.525
Chi phí khác					(2.341.130.627)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(33.217.384.679)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					246.330.605
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					72.870.123.671
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

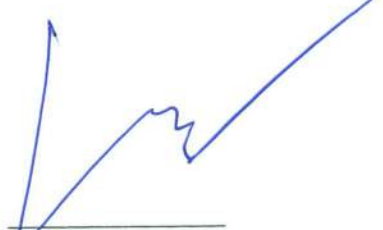
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Sản xuất máy biến thế</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.076.873.141.553	357.388.156.280	19.456.211.596	-	1.453.717.509.429
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.076.873.141.553	357.388.156.280	19.456.211.596	-	1.453.717.509.429
Chi phí bộ phận	869.789.962.379	309.518.160.235	15.206.147.504	-	1.194.514.270.118
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	207.083.179.174	47.869.996.045	4.250.064.092	-	259.203.239.311
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(114.539.298.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					144.663.940.866
Doanh thu hoạt động tài chính					5.841.850.602
Chi phí tài chính					(44.731.131.326)
Thu nhập khác					1.275.463.123
Chi phí khác					(586.771.129)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(25.491.156.478)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					734.052.909
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					81.706.248.567
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Biên Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Trần Thị Thu
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Sản xuất máy biến thế</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					821.489.138.610
Tổng tài sản					821.489.138.610
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					555.143.173.388
Tổng nợ phải trả					555.143.173.388
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					770.992.161.472
Tổng tài sản					770.992.161.472
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					526.772.862.099
Tổng nợ phải trả					526.772.862.099

Biên Hoà, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốcTrần Thị Thu
Người lập biểuNguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

